

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST

Ngày: 25/8/2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lê Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS, ngày 20/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-DS, ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng 1 và 2, tòa nhà SailingTower-111A P, phường B, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (Văn bản ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền tham gia tố tụng cho các ông/bà Bùi Đăng D, Lê Nguyễn Tuấn H1 và Đinh Trọng C – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Văn bản ủy quyền số 037105.21 ngày 24/12/2021).

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà Paxsky, 26 U, phường 00, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Các ông/bà V, H, D và H1: Vắng mặt; ông C: Có mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông Mai Ngọc C, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 0/0 ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Trọng C trình bày:

Ngày 14-5-2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) - Chi nhánh V và ông Mai Ngọc C, bà Nguyễn Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 8992543... vay số tiền 996.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE; mục đích sử dụng: Đi lại cá nhân. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,9%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 14-5-2019 đến ngày 14-5-2026; Hoàn trả khoản vay gốc hằng tháng vào ngày 15; kỳ trả đầu ngày 15-6-2019, kỳ trả cuối ngày 15-6-2026; số tiền gốc trả hàng tháng: 11.857.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 15; Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Mức lãi suất chậm trả của các khoản tiền lãi (lãi phạt) bằng 10%/năm; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà T theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8992543(1).19 với số tiền 996.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 109647... của Công ty Cổ phần Ô tô G.

Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng, ông C và bà T đã ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5790811... ngày 14-5-2019 với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số máy D4HBKU941..., số khung RLUSV81BDKN002..., màu sơn Trắng, biển số 72A-321... theo giấy Chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 045... do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cấp ngày 14/5/2019 cho ông Mai Ngọc C.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông C và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 351.644.570 đồng (trong đó: gốc là 223.276.960 đồng, lãi là 128.367.610 đồng). Kể từ ngày 16-11-2020 ông C và bà T không trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhắc nhở về việc trả nợ và gửi thông báo về việc khởi kiện nhưng ông C và bà T vẫn cố tình trì hoãn, không thanh toán hết khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về Hợp đồng tín dụng: Buộc, ông C và bà T phải có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25-8-2022 là 1.021.491.988 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 772.723.040 đồng, tiền lãi trong hạn là 84.067.033 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.572.531 đồng, lãi phạt là 13.129.384 đồng).

Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng với ông C và bà T, kể từ ngày 26/8/2022 cho đến khi ông C và bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay: Là 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số khung RLUSV81BDKN002..., số máy D4HBKU941..., màu sơn Trắng, biển số 72A-321...; giấy Chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 045... do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cấp ngày 14/5/2019 cho ông Mai Ngọc C theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 5790811... ngày 14-5-2019. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp trên trong vụ án này.

Đối với bị đơn là ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông C và bà T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của ông C và bà T.

Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:

Người đại diện của nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là: Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần (bản sao); Giấy ủy quyền của bà Trần Thị Thu H (bản chính); Giấy ủy quyền của ông Đinh Trọng C (bản chính); Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng số 8992543(1)... ngày 14/5/2019 (bản sao); Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 8992543... ngày 14/5/2019 giữa Ngân hàng với ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045... do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2019 (bản sao); Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn của ông C và bà T (bản sao); Thông báo: Khởi kiện yêu cầu trả nợ; Thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay và chuyển nợ quá hạn; Yêu cầu trả nợ, chủ động bàn giao tài sản; Xử lý tài sản bảo đảm; Quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay và xử lý tài sản bảo đảm (bản chính).

Tại phiên tòa: Ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người đại diện của nguyên đơn là ông Đinh Trọng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25-8-2022 là 1.021.491.988 đồng theo dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8992543... ngày 14/5/2019. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số khung RLUSV81BDKN002..., số máy D4HBKU941..., màu sơn Trắng, biển số 72A-321... theo giấy Chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 045... do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2019. Do Ngân hàng không yêu cầu xử lý nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu hoặc không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền theo Hợp đồng tín dụng và đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng với ông C và bà T cho đến khi ông C và bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; ông C và bà T có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ nội dung trong Hợp đồng tín dụng số 8992543...; Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8992543(1)... do các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và đúng theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có

yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho ông C và bà T tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8992543... ngày 14/5/2019 ký kết giữa Ngân hàng với ông C và bà T được xác lập theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8992543(1)... ngày 14/5/2019 của ông C và bà T. Ngân hàng đã giải ngân đối với Hợp đồng tín dụng số tiền là 996.000.000 đồng cho ông C và bà T. Như vậy, nội dung và hình thức của hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự.

[5] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông C và bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 351.644.570 đồng (trong đó: gốc là 223.276.960 đồng, lãi là 128.367.610 đồng). Kể từ ngày 17-11-2020 đến nay, ông C và bà T không trả tiền nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Ông C, bà T phải chịu số lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và phải chịu mức lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm theo đúng như thỏa thuận đã ký kết giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ.

Do ông C và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng, nên căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc, ông C và bà T có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25-8-2022 là 1.021.491.988 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 772.723.040 đồng, tiền lãi trong hạn là 84.067.033 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.572.531 đồng, lãi phạt là 13.129.384 đồng). Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[6] Đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, số khung RLUSV81BDKN002..., số máy D4HBKU941..., màu sơn Trắng, biển số 72A-321...; giấy Chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 045... do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 14/5/2019 cho ông Mai Ngọc C theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5790811.... ngày 14-5-2019. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp này. Xét, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Ngân hàng không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là 1.021.491.988 đồng (cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng).

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 280, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q tổng số tiền nợ tính đến ngày 25-8-2022 là 1.021.491.988 đồng (một tỷ không trăm hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn chín trăm tám mươi tám đồng). Trong đó: gốc là 772.723.040 đồng, lãi trong hạn là 84.067.033 đồng, lãi quá hạn là 151.572.531 đồng, lãi phạt là 13.129.384 đồng theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 8992543... ngày 14/5/2019 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8992543(1)... ngày 14/5/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Ngọc C và bà Nguyễn Thị T phải chịu 42.644.760đ (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) tiền án phí.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.795.000đ (mười tám triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011..., ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi Cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến

